

# CƠ SỞ LÝ LUẬN CHO NGHIÊN CỨU KHU VỰC ĐỊA CHÍNH TRỊ ĐÔNG Á

PHẠM QUANG MINH\*  
TRẦN KHÁNH\*\*

Từ thời cổ đại, nhất là từ thời Phục hưng, các nhà sử học đã phát hiện ra nhân tố địa lý có ảnh hưởng quan trọng đến lược của một nhà nước, và cho rằng, các quốc gia rộng lớn hơn sẽ có xu hướng thôn tính các quốc gia nhỏ hơn để trở thành quốc gia lớn hơn. Từ cuối thế kỷ XIX trở đi, khi nước Mỹ nổi lên thành cường quốc số 1 trong sự suy yếu của Anh và Pháp, tại Âu Mỹ, người ta bàn nhiều về địa chiến lược và từ đó hình thành các khái niệm, bộ môn nghiên cứu, trường phái về địa chính trị khu vực và thế giới. Trong những thập niên gần đây, do sự sụp đổ của Liên Xô, sự nổi lên của Trung Quốc và suy giảm tương đối vị thế của Mỹ, người ta lại bàn nhiều về học thuyết này trong việc góp phần giải mã các xung đột, mâu thuẫn quốc tế, nhất là giữa các nước lớn. Để góp phần cung cấp cơ sở lý luận cho nghiên cứu sự biến động địa chính trị Đông Á trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI, chúng tôi giới thiệu một số trường phái, những nội cơ bản của địa chính trị học có liên quan mật thiết đến khu vực Đông Á.

## 1. Cách tiếp cận của các học giả phương Tây phi Mác-xít về Địa chính trị

Có thể nói, khái niệm “địa chính trị” do

Rudolf Kjellé, một nhà nghiên cứu khoa học chính trị người Thụy Điển, lần đầu tiên đưa ra vào năm 1899<sup>(1)</sup>. Từ đó cho đến Chiến tranh Thế giới lần thứ hai kết thúc, khái niệm trên được các học giả khác phát triển, tiêu biểu là Phridrich Ratzel Ratzel, Halford Mackinder người Anh, Karl Haushofer người Đức và Nicholas John Skyman người Mỹ. Họ cho rằng, các yếu tố địa lý bao gồm lãnh thổ, dân số, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên và mối quan hệ giữa các quốc gia không chỉ đóng vai trò trung tâm trong quyết định luận về chính sách quốc tế của quốc gia này hay quốc gia khác, mà có ý nghĩa trong việc tranh giành vị trí thống trị trong khu vực và trên thế giới. Chính bởi vậy, nhiệm vụ chính của địa chính trị học là nghiên cứu các quốc gia như một hiện tượng địa lý không gian đặc biệt và tìm hiểu một cách thấu đáo mối tác động qua lại của tự nhiên với nhau<sup>(2)</sup>.

Cũng từ cuối thế kỷ XIX, các nhà địa chính trị bắt đầu đưa ra khái niệm khu vực “trung tâm” và khu vực “ngoại vi” trong tranh giành quyền lực giữa các nước với nhau<sup>(3)</sup>. Họ cho rằng, thế giới có thể được chia thành các khu vực như: Vùng World Islands bao gồm châu Âu, châu Á và châu Phi; Vùng ngoại vi (Periphery)

\*Phạm Quang Minh, \*\*Trần Khánh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

bao gồm châu Mỹ, đảo quốc Anh và châu Đại Dương; Vùng Trung tâm (Heartland) bao gồm toàn bộ nước Nga ngoại trừ khu vực Vladivostok. Ai làm chủ được Đông Âu sẽ làm chủ được vùng Trung tâm, ai làm chủ được vùng Trung tâm sẽ làm chủ được World Islands và ai làm chủ được World Islands sẽ làm chủ được thế giới<sup>(4)</sup>.

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai cho đến những năm 70 của thế kỷ XX, khái niệm “Địa chính trị” ít được bàn luận đến vì sợ bị đánh đồng với tư tưởng Phát-xít của Đức Quốc xã, nhưng trên thực tế nội dung cốt lõi của địa chính trị được thể hiện khắp mọi nơi trong chính sách tranh giành ảnh hưởng giữa Liên Xô và Mỹ. Cũng từ thời gian này hình thành nên “Địa chính trị khu vực”, trong đó có khái niệm “chủ nghĩa đại lục Châu Âu và hình thành thuyết nhị nguyên luận toàn cầu, trong đó nhấn mạnh đến “cuộc đấu tranh giữa đất liền và hải dương”<sup>(5)</sup>. Quá trình này đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc hình thành các tư tưởng địa chính trị Châu Âu và đấu tranh giữa hai bờ Đại Tây Dương, trước hết là giữa Mỹ và châu Âu, trong đó bao gồm cả Nga.

Từ những năm 70, nhất là từ những năm 90 khi chiến tranh lạnh kết thúc, các học giả và chính giới phương Tây, nhất là Mỹ đã sử dụng yếu tố địa chiến lược để thực hiện mưu đồ địa chính trị của họ. Chính học thuyết địa chính trị đã giúp họ trong việc nhanh chóng bắt tay với Trung Quốc để đối trọng rồi đi đến lam suy yếu và tan rã Liên Xô. Học thuyết địa chính trị lại có cơ hội phát triển mới.

Sau Liên Xô sụp đổ, tư tưởng địa chính trị phương Tây được phân chia thành hai dòng chảy chính: chủ nghĩa Đại Tây Dương mới của Samuel Huntington và “Sự cáo chung của lịch sử” của Francis Fukuyama. Trong tác phẩm “Sự va chạm

giữa các nền văn minh.”, S. Huntington đưa ra học thuyết “Chủ nghĩa Đại Tây Dương mới”<sup>(6)</sup>, trong đó nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa Lục địa và Đại dương, giữa Phương Tây và Phương Đông. Theo Huntington, chiến thắng của người Đại Tây Dương với người Á - Âu không phải là chiến thắng của sự văn minh, mà bởi vì văn minh phương Tây và phương Đông hoàn toàn khác nhau. Theo quan niệm của ông, trong tương lai không xa, văn minh chính thống - Slavơ, văn minh Trung Hoa, Nhật Bản, ấn Độ, Mỹ latin và cũng có thể là văn minh châu Phi sẽ đồng loạt lên tiếng. Điều này góp phần tạo nên những xung đột giữa phương Đông và phương Tây. Đặc biệt, từ những phân tích của mình, Huntington đã coi Trung Quốc và các quốc gia Hồi giáo, trước tiên là Iran, Irắc, Libi, chứ không phải Nga hay các nước Á - Âu khác, là các quốc gia có khả năng trở thành đối thủ của phương Tây.

Còn Francis Fukuyama trong tác phẩm “Sự cáo chung của lịch sử?” (*The End of History?*)<sup>(7)</sup> lại đưa ra thuyết “toàn cầu mới” và cho rằng, tất cả các bộ phận trên hành tinh sẽ được cơ cấu lại giống như là các electron trong nguyên tử, sẽ biến đổi quỹ đạo của mình theo hướng của các trung tâm hạt nhân quyền lực nhất (các trung tâm kinh tế). Các trung tâm kinh tế đó là châu Mỹ (Bắc Mỹ và Nam Mỹ), châu Âu (toàn châu Âu thống nhất), khu vực châu Á - Thái Bình Dương gồm các trung tâm như Tôkyô, Đài Loan, Singapore v.v. Đặc điểm kinh tế và hệ tư tưởng của các trung tâm này về cơ bản là giống nhau, vì thế, chúng không thể đối kháng nhau. Còn các thể chế, tư tưởng khác nhau như Trung Quốc với Mỹ sẽ có xung đột.

Trong số các học giả Âu-Mỹ, có học giả, nhà chiến lược chính trị, cựu cố vấn an ninh quốc gia Mỹ Zbigniew Brzezinski.

Trong cuốn sách “*Bàn cờ lớn*” xuất bản năm 1997 dịch ra tiếng Việt và xuất bản năm 1999), tác giả này đã chia thế giới thành 4 khu vực mà Mỹ cần có chính sách phù hợp để duy trì sự nổi trội của mình cũng như thiết lập thế bá chủ thế giới; Đó là châu Âu-dầu cầu dân chủ (Bridgehead); Nga - là lỗ đen (Blach Hole); Khu vực từ Trung Đông đến Ban Căng của lục địa Âu-Á (Eurasian Balkans); và châu Á - mỏ neo Viễn Đông (Far Eastern Anchor). Ông cho rằng, nước nào nằm được khu vực lục địa Âu-á thì thống trị được thế giới. Theo ông, trong thập niên gần đây đang có một sự dịch chuyển lớn về địa chính trị từ Đại Tây Dương sang Thái Bình Dương, trong đó Trung Quốc và Mỹ đang trở thành bộ đôi làm thay đổi thế giới<sup>(8)</sup>. Cách tiếp cận và lập luận trên của tác giả này cũng góp phần cung cấp khung lý luận và cơ sở thực tiễn cho phân tích sự biến động địa chính trị Đông Á những thập niên đầu thế kỷ XXI.

## 2. Cách tiếp cận của người Trung Quốc về Địa chính trị

Tuy người Trung Hoa không phải là những nhà sáng lập ra ngành địa chính trị học, nhưng cách tiếp cận của họ về trị quốc, bình thiên hạ trong một không gian địa lý được xác định thịnh hành từ lâu. Các khái niệm và mối quan hệ quyền lực giữa vùng ngoại vi và trung tâm, giữa “Thiên triều” với các chư hầu xung quanh trong “Thiên hạ” đã được người Trung Quốc phát triển thành học thuyết, mà tiêu biểu là thuyết Khổng giáo. Các nước nhỏ xung quanh Trung Quốc có bốn phận trung thành và vâng lời quốc gia Trung tâm và được hưởng sự che chở, ban phát bổng lộc từ Thiên triều; Nếu ai không vâng lời sẽ bị trừng phạt. Đây là kiểu văn

hoá ứng xử của học thuyết Khổng giáo.

Từ quan niệm trên, Đông Á thuộc phạm trù thiên hạ, trong đó Trung Quốc là Quốc gia Trung tâm. Thiên triều thay mặt trời đất cai trị, “chăm lo” cho thiên hạ cả bên trong và bên ngoài, không phân biệt ranh lãnh thổ quốc gia. Bởi sự vượt trội về dân số, lãnh thổ, có nền văn hoá lâu đời và phát triển, nên Trung Quốc luôn tự coi mình là trung tâm quyền lực không chỉ của Đông Á, mà của cả thế giới (thiên hạ). Điều này được chính mình khá rõ trong lịch sử không chỉ bằng các học thuyết, các quan niệm, mà cả trên thực tế bằng các cuộc chiến tranh xâm lược, trừng phạt những nước “không biết vâng lời” và bằng cách truyền bá văn hoá Khổng giáo và bắt các chư hầu xung quanh “công nạp”. Còn nhiều nước xung quanh muốn thông qua văn hoá “cống nạp: để được an bình cho mình và thể hiện sự tôn kính đối với Quốc gia Trung tâm.

Cắt nghĩa chữ “Trung” trong chữ “Trung Quốc” sẽ cho thấy rõ hơn về quan niệm Quốc gia Trung tâm, đứng đầu thiên hạ của nước này. Chữ “Trung” được cấu tạo từ năm nét (hai nét nằm ngang song song, hai nét nằm dọc hợp với hai nét nằm ngang thành hình thang đáy trên to hơn đáy dưới, và một nét sổ dọc đi qua trung điểm của đáy trên, đáy dưới hình thang) và có hàm nghĩa rất sâu xa. Theo người Trung Hoa, hai nét nằm ngang song song với nhau tượng trưng cho hai con sông Hoàng Hà và Trường Giang còn hai nét tả, hữu chặn hai nét song song thể hiện hai con sông không đi tiếp được nữa. Vùng nằm giữa 4 nét này gọi là Trung Nguyên. Như vậy quanh Trung Nguyên hay Trung Hoa này có bốn hướng để đi, để tìm kiếm nguồn lợi, để phát triển, để khẳng định uy thế của đất nước. Người Trung Quốc gọi bốn hướng đi này như sau: hướng Bắc gọi

là Bắc dịch, hướng Đông gọi là Đông di, hướng Nam gọi là Nam Man, hướng Tây gọi là Tây hung. Hướng Bắc được coi là hướng dịch bởi vì có sa mạc hiểm trở khó phát triển kinh tế, lại có nhiều tộc người hung hãn như Hung Nô, Khiết Đan, Mông Cổ v.v. Người Trung Quốc cũng cho rằng hướng Bắc là hướng của gió độc. Còn hướng Đông là Đông di có nghĩa là đối với người Trung Quốc hướng Đông chính là hướng di chuyển ra bên ngoài, đi ra biển nhưng rõ ràng đây là hướng di chuyển khó đối với các triều đại phong kiến Trung Quốc vì mọi chi phí, điều kiện để tiến ra biển rất khó khăn. Hướng Nam gọi là Nam Man bởi lẽ người Trung Quốc cho rằng những tộc người phía Nam Trung Quốc là những tộc người man di, mông muội, thiếu văn minh. Hướng Tây gọi là Tây hung bởi lẽ đó là hướng đi tới những nơi đáng sợ, hướng đi mà nhà sư Tam Tạng thời nhà Đường đã sang Tây Trúc thỉnh kinh và gặp rất nhiều yêu ma quỷ quái. Xét tổng thể quan điểm của bốn hướng di chuyển của người Trung Quốc thì có thể thấy hướng Nam và hướng Đông là hướng được người Trung Quốc chọn nhiều hơn cả, trong đó có thể thấy hướng Đông hay kết hợp Đông- Nam được ưu chuộng nhất. Thời nhà Nguyên, hướng Đông chứng minh không thể đánh được Nhật Bản. Người Trung Quốc phong kiến cũng có tục là nếu vua lên ngôi, người bái lạy phải ngoảnh về hướng Nam. Đây là nghi lễ bắt buộc mà khó giải thích. Hay về chữ Kinh Dịch, tách nghĩa chữ Dịch mới thấy được “dịch” ở đây là con diệc, loài chim bay từ hướng Nam lên. Vì thế mà Hướng Đông- Nam không chỉ là thuận với quan niệm phát đạt của người Trung Quốc, mà trên thực tế trở thành khu vực truyền thống mở rộng ảnh hưởng của Quốc gia Trung tâm này.

Thứ nữa, người Trung Quốc luôn cho rằng Trung Nguyên là trung tâm của thiên hạ, là trung tâm của các nền văn minh. Lịch sử cho thấy trong truyền thuyết Hiên Viên hoàng đế đánh nhau với Suy Vưu, và Thần Nông từ thời kỳ đầu hình thành nên đất nước Trung Hoa. Suy Vưu thua chạy lên khu vực Đông - nơi bây giờ là khu vực Hoa Bắc và bán đảo Triều Tiên. Thần Nông thua, chạy xuống phía Nam. Như vậy khi thua Hiên Viên, Suy Vưu đã đưa quân dân chạy sang hướng Đông với hàm ý hướng này là của Ánh sáng, văn minh - hướng về mặt trời. Còn Thần Nông đưa quân dân xuống phía Nam với hàm ý đây là hướng của sự phát triển, của sự sinh sôi nảy nở. Hay đây cũng chính là quan điểm lịch sử về Đông Á của người Trung Quốc.

Thời nhà Đường, ở Trung Quốc xuất hiện văn minh của Đạo giáo. Nhiều học giả cho rằng, Đường là triều đại “đẹp nhất” trong lịch sử Trung Quốc. William Durant, tác giả bộ sách *Câu chuyện của nền văn minh (The Story of Civilisation)* cho rằng nền văn minh này có sức miễn dịch với tất cả các nền văn minh khác và là nền văn minh sinh ra thánh thi và tiên thi trong lịch sử Trung Quốc và sản sinh ra quan niệm ở nơi phồn vinh này nó có đủ mọi thứ con người cần rồi. Các vua thời Đường cho rằng phía Tây thì ấn Độ khủng hoảng, phía Đông thì Nhật Bản - quốc gia biển nhỏ bé không có ý nghĩa gì. Thời Đường cũng là thời đại có nhiều cuộc cải cách nhất Trung Quốc và hưng thịnh nhất của quan niệm Trung Hoa là trung tâm của thiên hạ nói chung và của Đông Á nói riêng. Những cách nhìn nhận trên của người Trung Hoa về Thiên hạ, về vùng ngoại vi và trung tâm cũng như cách ứng xử của con người, các nước trong Thiên hạ cũng để chúng ta suy ngẫm thêm về cách

tiếp cận nghiên cứu địa chính trị khu vực Đông Á hiện nay.

### 3. Cách nhìn nhận của Chủ nghĩa Mác-Lênin về Địa chính trị

Mặc dù không nghiên cứu trực tiếp về “Địa chính trị”, nhưng những quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin ít nhiều có liên quan đến vấn đề này, đặc biệt là ảnh hưởng quyết định của Mác trong việc hình thành “Chủ nghĩa toàn cầu” (Universalism)<sup>(9)</sup>. Theo Mác, lịch sử không phải là quá trình hưng thịnh và suy tàn của các đế chế mà là lịch sử đấu tranh giai cấp giữa giai cấp thống trị và bị trị. Mác, Ăngghen và sau này là Lênin nhấn mạnh đến tầm quan trọng của dân tộc, quốc gia dân tộc, nền độc lập của họ và sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ cũng như duy trì bản sắc văn hoá tộc người, điều mà phần lớn đã bị chủ nghĩa kinh tế phương Tây từ chối hay coi thường.

Mác và Ăngghen lập luận rằng các dân tộc lớn và tiến bộ có vai trò lịch sử trong việc hoàn thành cách mạng thế giới, trong khi liên kết với nhiều dân tộc nhỏ khác và tạo điều kiện cho chủ nghĩa xã hội thành công. Nhưng họ cũng phản đối một số “dân tộc phản động” và những phong trào dân tộc bị các cường quốc lợi dụng nhằm chống lại cách mạng thế giới<sup>(10)</sup>.

Sau này, Lênin phát triển chủ nghĩa Mác, và cho rằng, chính vì sự phụ thuộc chặt chẽ của hệ thống kinh tế tư bản vào thị trường và nguồn tài nguyên hải ngoại, nên xung đột quốc tế là căn bệnh cố hữu trong thế giới của các nước tư bản. Không phải ai khác mà chính là các nước tư bản-đế quốc là lò lửa gây ra các cuộc chiến tranh. Nếu thế giới muốn hòa bình, ổn định, muốn xoá bỏ xung đột quốc tế, thì theo Lênin tiền đề quan trọng nhất là

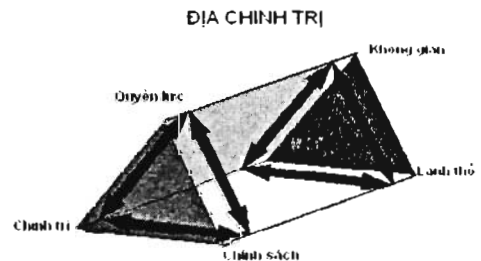
phải loại trừ các nước tư bản chủ nghĩa<sup>(11)</sup>.

Như vậy, chủ nghĩa Mác-Lênin đã cung cấp một cơ sở khoa học nhận diện chủ nghĩa thực dân, bá quyền nước lớn, nhất là trong việc sử dụng học thuyết địa chính trị để bào chữa cho hành động xâm lược và áp đặt ách cai trị của họ đối với các nước nhỏ hơn.

Tóm lại, địa chính trị đã trải qua một quá trình phát triển lâu dài từ cuối thế kỷ XIX, từ việc chỉ nhấn mạnh đến vai trò của địa lý, hoặc của một số khu vực, rồi đến mối quan hệ giữa địa lý và chính trị và gần đây dưới tác động của khoa học kỹ thuật là chủ nghĩa toàn cầu. Cho dù thế nào đi chăng nữa, người ta đều thống nhất với nhau là cần phải nghiên cứu con người trong không gian đa chiều và ngoài yếu tố địa lý, cần tính đến khía cạnh lịch sử, văn hóa, kinh tế và chiến lược.

### 4. Khái quát về Địa chính trị học

Từ những lập luận trên, có thể khái quát các chiều cạnh nghiên cứu về địa chính trị bằng sơ đồ hình học không gian 3 chiều, trong đó một chiều của không gian là quyền lực, chính trị và chính sách, trong đó quyền lực đóng vai trò là môi trường trung gian cho sự tồn tại của chính trị và chính sách và chiều kia gồm không gian, vị trí và lãnh thổ (Hình 1)



Hình 1. Địa chính trị như sự tương tác giữa ‘chính trị’ và ‘địa lý’

Địa chính trị coi cả sáu yếu tố- quyền lực, chính trị, chính sách, không gian, vị trí và lãnh thổ- có liên quan gắn bó mật thiết với nhau, nhưng một nghiên cứu địa chính trị không nhất thiết phải giải quyết tất cả các quan hệ này. Vì vậy, địa chính trị bao hàm vô số quan hệ tương tác, một số quan hệ có thể có ý nghĩa văn hóa khiến chúng trở thành mối quan tâm của các nhà địa văn hóa (geoculture), một số quan hệ có thể có ý nghĩa kinh tế khiến chúng trở thành mối quan tâm của các nhà địa kinh tế (geoeconomics), một số quan hệ diễn ra trong quá khứ và được nghiên cứu bởi các nhà địa lịch sử (geohistory). Như vậy địa chính trị có các vùng biên giới, chứ không phải các đường biên giới.

Như vậy, có thể tạm thời định nghĩa rằng, *Địa chính trị là một phạm trù khoa học nghiên cứu về sự vận động của nền chính trị thế giới trong một không gian địa lý và chịu sự tương tác bởi hai yếu tố chủ yếu là địa lý và chính trị. Trong chính trị quốc tế, đó là vấn đề không gian địa lý của các quốc gia dân tộc, khu vực, xuất phát từ nhân tố địa lý để khảo sát mối quan hệ chính trị quốc tế, từ đó xác định chiến lược an ninh và phát triển của mỗi quốc gia dân tộc. Nói một cách khác văn tắt, Địa chính trị là khoa học nghiên cứu sự tương tác giữa yếu tố chính trị và địa lý trong xác lập ảnh hưởng và trật tự quyền lực (mối quan hệ chính trị quốc tế) của một quốc gia-dân tộc, nhóm nước hay một tổ chức nào đó trong một không gian địa lý được xác định. /.*

## CHÚ THÍCH

1. John Bellamy Foster (2006), *The New Geopolitics of Empire*, Monthly Review, Vol. 57, No. 8, p.1.
2. John Bellamy Foster (2006), *The New Geopolitics of Empire*, p.1.
3. Trường phái Anh-Mỹ cho rằng, thế giới có thể được chia thành các khu vực nha sau: Vùng World Islands bao gồm châu Âu, châu Á và châu Phi; Vùng ngoại vi (Periphery) bao gồm châu Mỹ, đảo quốc Anh và châu Đại Dương; Vùng Trung tâm (Heartland) bao gồm toàn bộ nước Nga ngoại trừ khu vực Vladivostok. Ai làm chủ được Đông Âu sẽ làm chủ được vùng Trung tâm, ai làm chủ được vùng Trung tâm sẽ làm chủ được World Islands và ai làm chủ được World Islands sẽ làm chủ được thế giới.
4. Phriedrich Ratzel, *Loài người giống như một hiện tượng sống trên trái đất* (tiếng Nga), Mátxcova 1901, tr. 131.
5. Helmut Schmidt, *Eine Strategie fuer den Westen* (Một chiến lược cho Tây Âu), Bonn 1995, tr.72.
6. S. Huntington, *The Clash of Civilizations*, Foreign Affairs, Summer 1993, pp. 22-49.
7. Francis Fukuyama, *The End of History*, in: Foreign Affairs Agenda: The New Shape of World Politics, New York 1997, pp.1-25.
8. Trong khi đó, nhà kinh tế học Niall Ferguson đưa ra cụm từ “Chimerica” (gép từ tên hai nước Trung-Mỹ) để thể hiện quan điểm của ông về sự gắn kết chặt chẽ của hai quốc gia này, và cho rằng từ lâu họ đã hình thành “một nền kinh tế”.
9. Xem thêm: Paul R. Viotti-Mark V. Kauppi, *Lý luận quan hệ quốc tế*, Hà Nội 2001, tr. 614.
10. Cũng ngay từ những năm 50 của thế kỷ XIX, Mác và Ăngghen đã coi các dân tộc Slavơ là những dân tộc tiến bộ ở khu vực Ban Căng và tiên đoán rằng về vị thế địa chính trị của nước Nga với tư cách là đầu tàu của cách mạng thế giới. Xem thêm: K. Marx and F. Engels, *The Communist Manifesto*.
11. Lenin, *Imperialism: the Highest Stage of Capitalism*, International Publishers, New York 1939, p. 16-30.